

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2021/HS-ST

Ngày: 13-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Thẩm phán

Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quốc Khánh

Bà Trần Thị Hồng

Bà Nguyễn Thị Anh Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Đặng T - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 136/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2021/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Thị Thục A; sinh năm 1977; nơi sinh: Xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; ĐKKHKT và nơi ở: Số 42 đường Hùng Vương, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Sở Nội vụ tỉnh Nam Định; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Quốc V và bà Nguyễn Thị T; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai; có chồng là Tống Sỹ Đ; có 02 con: con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 29-6-2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công An tỉnh Nam Định (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 BLTTHS: Luật sư Nguyễn Minh Ph - Văn phòng Luật sư Văn & Minh - Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định (Có mặt).

- Bị hại:

1. Chị Nguyễn Hồng Th; sinh năm 1977; cư trú tại: Số 87 - 89 đường Hùng Vương, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định (Có mặt).

2. Anh Nguyễn Đức T; sinh năm 1990; cư trú tại: Xóm 12, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Có mặt).

3. Ông Dương Văn Q; sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Có mặt).

4. Anh Trương Quốc S; sinh năm 1970; cư trú tại: Xóm 14, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lê Mai Tr (Vắng mặt);
2. Chị Trịnh Thị Ng (Vắng mặt);
3. Anh Dương Hồng Q2 (Vắng mặt);
4. Chị Đinh Thị Kim Ch (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên trong khoảng thời gian từ tháng 8-2019 đến tháng 8-2020, Vũ Thị Thục A đã lợi dụng bản thân là cán bộ công tác tại Sở Nội vụ tỉnh Nam Định, đã đưa ra những thông tin gian dối là có khả năng xin biên chế công chức, viên chức và xin chuyển vùng công tác trong các ngành Y tế, Giáo dục, để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất.

Chị Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1977, trú tại: Số 87 - 89 Hùng Vương, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định, là giáo viên trường trung học cơ sở N, huyện N, tỉnh Nam Định có quan hệ quen biết chị Lê Mai Tr, sinh năm 1977, trú tại: Số 39 đường Nguyễn Trãi, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định, là giáo viên trường tiểu học P, thành phố N. Chị Th có nguyện vọng muốn xin chuyển công tác dạy học tại một trường tiểu học hoặc trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Nam Định. Khoảng tháng 8-2019 thông qua chị Tr giới thiệu, chị Th đến nhờ A (con của A là học sinh của chị Tr). A nói dối bản thân có mối quan hệ xin chuyển trường cho chị Th, A yêu cầu chị Th chuẩn bị bộ hồ sơ gồm: 01 đơn xin chuyển công tác, 01 bản sao bằng tốt nghiệp đại học, 01 bản sao giấy xác nhận thâm niên công tác, 01 bản sao quyết định trúng tuyển viên chức và số tiền chi phí là 280 triệu đồng. Chị Th tin tưởng, trực tiếp đưa cho A 02 lần với tổng số tiền là 280 triệu đồng. Cụ thể: Đầu tháng 8-2019 đưa 200 triệu đồng tại nhà của A cùng 01 bộ hồ sơ xin chuyển công tác (Có sự chứng kiến của chị Tr); lần thứ hai đưa 80 triệu đồng tại khu vực trước cổng Sở Nội vụ tỉnh Nam Định. Những lần đưa tiền, hai bên không viết giấy biên nhận gì. A cam kết đến khoảng tháng 9-2019 thì chị Th sẽ được chuyển công tác dạy tại một trường trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Nam Định. Sau khi nhận tiền và hồ sơ của chị Th, A không thực hiện như đã cam kết mà sử dụng số tiền trên để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết, còn hồ sơ A đã làm thất

lạc, hiện chưa tìm thấy. Sau đó nhiều lần chị Th liên lạc hỏi, nhưng A đưa ra các lý do nói phải chờ thêm một thời gian nữa. Do chờ đợi lâu nhưng không được, nên ngày 17-02-2020 chị Th cùng chị Tr đến yêu cầu A phải trả lại tiền. A không có tiền trả, lo sợ chị Th trình báo cơ quan Công An nên đã viết cho chị Th 01 giấy biên nhận với nội dung “Có nhận của chị Th số tiền 280.000.000 đồng, hẹn đến ngày 22-02-2020 sẽ hoàn trả”. Thực tế A đã sử dụng số tiền này để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết, đến nay không còn khả năng trả lại cho chị Th. Ngày 01-6-2021 chị Th có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) – Công An thành phố Nam Định.

Cơ quan CSĐT - Công An thành phố Nam Định tiến hành xác minh tại Phòng giáo dục và đào tạo thành phố Nam Định xác định: Trong thời gian từ tháng 8-2019 đến tháng 6-2021 cơ quan không tiếp nhận hồ sơ xin chuyển công tác của chị Nguyễn Thị Th.

Kết luận giám định số 872/KLGD ngày 12-7-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công An tỉnh Nam Định kết luận chữ viết, chữ ký trong giấy biên nhận tiền là chữ viết, chữ ký của A.

2. Vụ thứ hai:

Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990, trú tại: Xóm 12, xã N huyện N, tỉnh Nam Định có quan hệ quen biết chị Trịnh Thị Ng, sinh năm 1976, trú tại: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Anh T có nguyện vọng muốn xin cho vợ là chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1993 vào biên chế viên chức ngành Y tế. Khoảng đầu tháng 02-2020, thông qua chị Ng giới thiệu, anh T đến nhà nhờ A (Chị Ng và A có mối quan hệ họ hàng). A nói dối bản thân có mối quan hệ xin được biên chế viên chức ngành Y tế mà không cần qua thi cử cho vợ anh T, A yêu cầu anh T chuẩn bị bộ hồ sơ gồm: 01 bản chính bằng tốt nghiệp đại học, 01 bản chính bằng điểm, 01 bản sao giấy khai sinh, 01 bản sao căn cước công dân của chị O và số tiền chi phí là 300 triệu đồng. Anh T tin tưởng, trực tiếp đưa cho A 04 lần với tổng số tiền là 282 triệu đồng. Số tiền còn lại anh T thống nhất khi nào chị O được vào biên chế thì sẽ đưa nốt cho A. Cụ thể: Ngày 17-02-2020 anh T cùng chị Ngọc đến nhà đưa cho A số tiền 150 triệu đồng cùng 01 bộ hồ sơ. Sau khi nhận tiền, A đã viết cho anh T 01 giấy biên nhận với nội dung “Ngày 17-02-2020 ông Nguyễn Đức T đã giao cho bà Vũ Thị Thục A vay số tiền 150 triệu đồng” có chữ ký xác nhận người làm chứng là chị Ng. Khoảng đầu tháng 3-2020 anh T một mình đến nhà đưa cho A số tiền 100 triệu đồng (Không có người chứng kiến, không viết giấy biên nhận). Ngày 19-3-2020 anh T chuyển số tiền 25 triệu đồng và ngày 20-3-2020 chuyển số tiền 07 triệu đồng từ tài khoản của anh sang tài khoản số 102003845699, chủ tài khoản là Vũ Thị Thục A, mở tại ngân hàng Vietinbank chi nhánh Nam Định. A cam kết trước tháng 10-2020 thì sẽ xin được cho chị O vào biên chế ngành Y tế. Sau khi nhận tiền và hồ sơ của anh T, A không thực hiện như đã cam kết mà sử dụng số tiền trên để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó nhiều lần anh T liên lạc hỏi, nhưng A lấy lý do là phải chờ thêm một thời gian nữa mục đích để trì hoãn, kéo dài thời gian. Do chờ đợi lâu nhưng không được, nên khoảng tháng 12-2020 anh T yêu cầu A trả lại toàn bộ tiền và hồ sơ. A không có tiền trả, chỉ trả lại

hồ sơ cho anh T. Một thời gian sau, anh T tiếp tục đòi tiền, lo sợ anh T trình báo cơ quan Công An nên A đã viết 01 giấy biên nhận đề ngày 03-3-2021 với nội dung “Có nhận số tiền 282 triệu đồng để lo việc cho O. Hẹn đến ngày 15-4-2021 sẽ hoàn trả đầy đủ”. Thực tế A đã sử dụng số tiền này để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết, đến nay không còn khả năng trả lại tiền cho anh T. Ngày 30-6-2021 anh T có đơn trình báo Cơ quan CSĐT - Công An thành phố Nam Định.

Ngày 14-7-2021 Sở y tế tỉnh Nam Định có Công văn số 1190 xác định: Từ tháng 02-2020 đến tháng 6-2021 Sở không tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Y tế, do vậy không tiếp nhận bất kỳ hồ sơ của cá nhân nào xin đăng ký tuyển dụng viên chức.

Kết luận giám định số 975/KLGĐ ngày 30-7-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công An tỉnh Nam Định kết luận chữ viết, chữ ký trong giấy biên nhận tiền là chữ viết, chữ ký của A.

3. Vụ thứ ba:

Ông Dương Văn Q, sinh năm 1965, trú tại: Thôn 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định có quan hệ quen biết anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990, trú tại: Xóm 12, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Ông Q có nguyện vọng muốn xin cho con là anh Dương Hồng Q2, sinh năm 1992 vào biên chế công tác tại Trạm y tế xã N, huyện N, tỉnh Nam Định Ngày 08-3-2020, thông qua anh T giới thiệu, ông Q cùng anh Q2 và anh T đến nhà nhờ A (Anh T đang nhờ A xin cho vợ vào biên chế viên chức ngành Y tế). A nói dối bản thân có mối quan hệ xin được biên chế viên chức ngành Y tế, A yêu cầu ông Q chuẩn bị bộ hồ sơ gồm: 01 bản chính bằng tốt nghiệp phổ thông trung học, 01 bản chính bằng trung cấp y sỹ đa khoa, 01 bản chính chứng chỉ tiếng anh và 01 bản sao căn cước công dân của anh Q2 và số tiền chi phí là 300 triệu đồng. Ông Q tin tưởng đưa cho A 01 bộ hồ sơ và số tiền 300 triệu đồng theo yêu cầu của A, trước sự chứng kiến của anh Q2 và anh T. A đã viết lại 01 giấy biên nhận đề ngày 08-3-2020 với nội dung: “Đã nhận của ông Q số tiền 300 triệu đồng, hẹn 05 tháng sẽ hoàn trả đầy đủ” và cam kết với ông Q trong khoảng 05 tháng sẽ xin được biên chế cho anh Q2. Sau khi nhận tiền và hồ sơ của ông Q, A không thực hiện như đã cam kết mà sử dụng số tiền trên để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó nhiều lần ông Q liên lạc hỏi, nhưng A lấy lý do là chưa có đợt xét tuyển biên chế nên phải chờ, mục đích để trì hoãn, kéo dài thời gian. Do chờ đợi lâu không được, nên khoảng tháng 3-2021 ông Q yêu cầu A trả lại toàn bộ tiền và hồ sơ. A không có tiền trả, chỉ trả lại hồ sơ cho ông Q. Một thời gian sau, ông Q tiếp tục đòi tiền, nhưng A trốn tránh. Ngày 01-7-2021 ông Q có đơn trình báo Cơ quan CSĐT - Công An thành phố Nam Định.

Ngày 14-7-2021 Sở Y tế tỉnh Nam Định có Công văn số 1190 xác định: Từ tháng 02-2020 đến tháng 6-2021 Sở không tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Y tế, do vậy không tiếp nhận bất kỳ hồ sơ của cá nhân nào xin đăng ký tuyển dụng viên chức.

Kết luận giám định số 975/KLGĐ ngày 30-7-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công An tỉnh Nam Định kết luận chữ viết, chữ ký trong giấy biên nhận tiền là chữ viết, chữ ký của A.

4. Vụ thứ tư:

Anh Trương Quốc S, sinh năm 1970, trú tại: Xóm 14, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định có quan hệ quen biết chị Đinh Thị Kim Ch, sinh năm 1974, trú tại: Xóm 3, Vị Khê, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định. Anh S có nguyện vọng muốn xin cho con gái là chị Trương Thị V, sinh năm 1997 vào biên chế công chức địa chính của UBND xã Điền Xá (Hiện chị V đang là cán bộ địa chính hợp đồng). Ngày 23-8-2020, thông qua chị Ch giới thiệu, anh S đến nhà nhờ A (Chị Ch và A có mối quan hệ quen biết xã hội). A nói dối bản thân có khả năng xin được biên chế công chức địa chính xã Điền Xá cho chị V, với chi phí số tiền là 250 triệu đồng. Anh S tin tưởng, trực tiếp đưa cho A 02 lần với tổng số tiền là 250 triệu đồng. Cụ thể: Ngày 26-8-2020 anh S cùng chị Ch đến nhà đưa cho A số tiền 100 triệu đồng, A đã viết cho anh S 01 giấy biên nhận với nội dung “Ngày 26-8-2020 đã nhận của ông Trương Quốc S số tiền 100 triệu đồng”. Ngày 28-8-2020 anh S một mình đến nhà đưa cho A số tiền 150 triệu đồng. A viết tiếp vào giấy biên nhận ngày 26-8-2020 với nội dung “Nhận thêm 150 triệu đồng, tổng hai lần là 250 triệu đồng”. A cam kết đến đợt thi tuyển công chức địa chính xã gần nhất sẽ giúp được cho chị V trúng tuyển biên chế. Để cho anh S tiếp tục tin tưởng, không nghi ngờ, A in 01 bộ tài liệu các câu hỏi, đề cương ôn tập thi tuyển công chức địa chính xã trên mạng internet và nhờ 01 người xe ôm (A không biết tên tuổi, địa chỉ người xe ôm này) chuyển đến cho chị V. Sau khi nhận tiền, A không thực hiện như đã cam kết mà sử dụng số tiền trên để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó nhiều lần anh S liên lạc hỏi, nhưng A lấy lý do là chưa có đợt thi, phải chờ thêm một thời gian nữa mục đích để trì hoãn, kéo dài thời gian. Do chờ đợi lâu nhưng không được, anh S yêu cầu A trả lại toàn bộ tiền. A tiếp tục nói dối số tiền 250 triệu đồng đã đưa hết cho người khác để xin cho chị V, chưa lấy lại được (Thực tế A đã sử dụng số tiền này để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết, đến nay không còn khả năng trả lại tiền cho anh S). Ngày 28-4-2021 anh S đến nhà yêu cầu A viết 01 giấy nhận nợ với nội dung “Ngày 28-8-2020, tôi nhận của anh Trương Quốc S số tiền 250 triệu đồng, lý do nhận tiền nhờ xin việc cho cháu Trương Thị V. Đến hôm nay chưa hoàn thành công việc nên tôi xin hoàn lại số tiền trên vào ngày 25-4-2021”, có chữ ký xác nhận của A và của bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của A). Ngày 17-8-2021 anh S có đơn trình báo Cơ quan CSĐT - Công An tỉnh Nam Định.

Cơ quan CSĐT - Công An tỉnh Nam Định xác minh tại Phòng Nội vụ huyện Nam Trực, xác định: Từ tháng 6-2020 đến tháng 6-2021, UBND huyện Nam Trực không tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã, nên không tiếp nhận hồ sơ và Phiếu đăng ký dự tuyển vào công chức địa chính xã của chị V.

Kết luận giám định số 1182/KLGD ngày 10-9-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công An tỉnh Nam Định kết luận chữ viết, chữ ký trong giấy biên nhận tiền là chữ viết, chữ ký của A.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Th yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 280 triệu đồng. Anh T yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 282 triệu đồng. Ông Q yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 300 triệu đồng. Anh S yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 250 triệu đồng.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 111/CT-VKS-P3 ngày 26-10-2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Vũ Thị Thục A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị Thục A đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm được trở lại với gia đình và xã hội.

Những người bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Chị Nguyễn Thị Hồng Th, ông Dương Văn Q, anh Trương Quốc S trình bày do bị cáo đã biết ăn năn hối hận thành khẩn nhận tội, nên đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố, sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt bị cáo từ 10 năm đến 11 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại. Đối với số tiền 50 (Năm mươi triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án đề nghị trả cho mỗi bị hại 12.500.000đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đã tác động để gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện rất khó khăn, 02 con còn nhỏ, bố mẹ bị cáo có nhiều thành tích trong kháng chiến, bố bị cáo có thời gian tham gia quân đội, được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, mẹ bị cáo được tặng “Bằng khen”, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS và không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo vì đã cộng dồn số tiền bị cáo chiếm đoạt của 04 người bị hại để truy tố bị cáo theo khoản 4 Điều 174 BLHS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công An tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ xác định các hành vi, quyết định

tổ tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án điều hợp pháp

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên trong khoảng thời gian từ tháng 8-2019 đến tháng 8-2020, Vũ Thị Thục A đã có hành vi gian dối, tự nhận bản thân có nhiều mối quan hệ, có khả năng xin biên chế công chức, viên chức và xin chuyển công tác trong các ngành Y tế, Giáo dục trên địa bàn tỉnh Nam Định để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác, cụ thể: Khoảng đầu tháng 8-2019 A nhận lời xin chuyển công tác cho chị Nguyễn Hồng Th dạy học tại một trường Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Nam Định, chiếm đoạt số tiền 280.000.000 đồng của chị Th. Khoảng tháng 02-2020 A nhận lời anh Nguyễn Đức T để xin cho chị Nguyễn Thị Kiều O (là vợ anh T) biên chế viên chức ngành Y tế, chiếm đoạt số tiền 282.000.000 đồng của anh Ti. Khoảng tháng 03-2020 A nhận lời ông Dương Văn Q để xin cho anh Dương Hồng Q2 (là con ông Q) biên chế viên chức công tác tại Trạm y tế xã Nghĩa Đồng, chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng của ông Q. Khoảng tháng 8-2020 A nhận lời anh Trương Quốc S để xin cho chị Trương Thị V (là con gái anh S) biên chế công chức địa chính công tác tại UBND xã Điện Xá, chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng của anh S. Tổng số tiền A chiếm đoạt được trong 04 vụ là 1.112.000.000 đồng. Hành vi đó của bị cáo Vũ Thị Thục A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS. Nên, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của địa phương, đến uy tín của các cơ quan nhà nước. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian dài, nhằm mục đích trừng trị, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, quan điểm người bào chữa cho bị cáo đề nghị không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo vì đã cộng dồn số tiền bị cáo chiếm đoạt của 04 người bị hại để truy tố bị cáo theo khoản 4 Điều 174 BLHS không được chấp nhận vì: Theo hướng dẫn tại Công văn số 64 của Tòa án nhân dân Tối cao, đối với nhóm tội chiếm đoạt vừa phải cộng giá trị để định khung hình phạt, vừa phải áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần, nếu mỗi lần đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm để đánh giá về nhân thân của bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo đã tác động thông qua gia đình nộp 50.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả tội phạm đã gây ra, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, 02 con còn nhỏ, bố mẹ bị cáo có nhiều thành tích

trong kháng chiến, bố bị cáo được tặng “Huy chương kháng chiến hạng nhì”, mẹ bị cáo được tặng “Bằng khen”, tại phiên toà bị cáo được 03 người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Như vậy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, nên căn cứ Điều 54 BLHS cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, để bị cáo thấy được bản chất nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội, sớm được trở về để khắc phục những hậu quả mà bị cáo đã gây ra cho các bị hại.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, nợ nần nhiều nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 50 (Năm mươi triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định được trả cho 04 người bị hại, mỗi người 12.500.000đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng). Bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho chị Nguyễn Thị Hồng Th số tiền 267.500.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng); anh Nguyễn Đức T số tiền 269.500.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng); ông Dương Văn Q số tiền 287.500.000đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng); anh Trương Quốc S số tiền 237.500.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng);

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS,

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị Thục A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị Thục A 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 29-6-2021;

2. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo;

3. Trách nhiệm dân sự: Tuyên trả cho chị Nguyễn Thị Hồng Th, anh Nguyễn Đức T, ông Dương Văn Q, anh Trương Quốc S mỗi người 12.500.000đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng) trong tổng số 50 (Năm mươi triệu đồng) bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004038 ngày 06-12-2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;

Buộc bị cáo Vũ Thị Thục A phải bồi thường cho:

Chị Nguyễn Thị Hồng Th số tiền còn thiếu là 267.500.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng);

Anh Nguyễn Đức T số tiền còn thiếu là 269.500.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng);

Ông Dương Văn Q số tiền còn thiếu là 287.500.000 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng);

Anh Trương Quốc S số tiền còn thiếu là 237.500.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng);

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thanh toán tiền thì còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS, các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Buộc bị cáo Vũ Thị Thục A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 43.860.000 đồng (Bốn mươi ba triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người bào chữa;
- Các bị hại;
- Công An tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam Công An tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết